

Số: 4453 /QĐ-SGDĐT

Gia Lai, ngày 31 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định sử dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học, học tập, kiểm tra, đánh giá tại các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở GDĐT tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông;

Căn cứ Công văn số 5588/BGDĐT-GDPT ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông từ năm học 2026-2027;

Căn cứ Kế hoạch số 5401/KH-SGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Sở GDĐT tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm học 2026-2027;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục Trung học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định sử dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học, học tập, kiểm tra, đánh giá tại các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng; Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở;

Thủ trưởng các cơ sở giáo dục phổ thông; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GDĐT (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Phó Giám đốc Sở GDĐT;
- Lưu: VT, GDTrH, GDMN-TH.



Phạm Văn Nam

QUY ĐỊNH

Sử dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học, học tập, kiểm tra, đánh giá tại các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng 8 năm 2026
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nguyên tắc, yêu cầu, phạm vi và trách nhiệm trong việc lựa chọn, sử dụng công cụ, phần mềm, nền tảng, hệ thống có ứng dụng trí tuệ nhân tạo (*sau đây gọi chung là công cụ AI*) trong dạy học, học tập, kiểm tra, đánh giá tại các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Quy định này bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Sử dụng AI trong chuẩn bị, tổ chức dạy học và hoạt động giáo dục.
- b) Sử dụng AI trong học tập, tự học và thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.
- c) Sử dụng AI trong xây dựng câu hỏi, nhiệm vụ, đề kiểm tra và công cụ đánh giá.
- d) Sử dụng AI trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá và đánh giá sản phẩm học tập.
- đ) Lựa chọn, rà soát công cụ AI.
- e) Trung thực học thuật, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, sở hữu trí tuệ, bản quyền và trách nhiệm của người sử dụng.
- g) Trách nhiệm của cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- 1. Các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- 2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tại các cơ sở giáo dục quy định tại khoản 1 Điều này.
- 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, hỗ trợ hoặc cung cấp công cụ, nền tảng, học liệu có ứng dụng AI phục vụ dạy học, học tập, kiểm tra, đánh giá tại cơ sở giáo dục.

Điều 3. Mục đích sử dụng AI

- 1. Hỗ trợ nâng cao chất lượng dạy học, học tập, kiểm tra, đánh giá; góp phần đổi mới phương pháp giáo dục, phát triển phẩm chất, năng lực, năng lực số và năng

lực AI của học sinh.

2. Hỗ trợ giáo viên trong nghiên cứu, chuẩn bị và tổ chức dạy học, xây dựng học liệu, thiết kế nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá và phản hồi kết quả học tập.

3. Tạo điều kiện để học sinh biết lựa chọn, khai thác và sử dụng AI phục vụ học tập; phát triển khả năng tư duy, giải quyết vấn đề, sáng tạo, kiểm chứng thông tin và sử dụng AI an toàn, có đạo đức, trách nhiệm.

4. AI là công cụ hỗ trợ, không thay thế hoạt động tư duy, học tập, trải nghiệm và sáng tạo của học sinh; không thay thế trách nhiệm chuyên môn, quyết định sự phạm và trách nhiệm đánh giá của giáo viên.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng AI

1. Việc sử dụng AI phải phục vụ mục tiêu giáo dục; phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông, yêu cầu cần đạt, nội dung giáo dục, đặc điểm tâm sinh lý, độ tuổi và mức độ tự chủ của học sinh.

2. AI là công cụ hỗ trợ dạy học và học tập; không thay thế trách nhiệm chuyên môn, quyết định sự phạm của giáo viên; không thay thế hoạt động tư duy, học tập, trải nghiệm, sáng tạo và phần việc học sinh phải trực tiếp thực hiện.

3. Học sinh sử dụng AI theo hướng dẫn, giám sát của giáo viên, đúng mục đích và phạm vi được phép; chủ động kiểm tra, kiểm chứng kết quả do AI cung cấp và chịu trách nhiệm đối với nội dung, sản phẩm của bản thân.

4. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT. Đối với nội dung nhằm đánh giá trực tiếp kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực mà học sinh phải tự mình thể hiện, học sinh không sử dụng AI để thực hiện thay nội dung được đánh giá.

5. Trường hợp mục tiêu, yêu cầu của nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá có nội dung sử dụng AI hoặc cho phép AI là công cụ hỗ trợ, giáo viên phải xác định rõ phạm vi sử dụng; việc đánh giá phải xác định được quá trình thực hiện, khả năng giải thích, kiểm chứng, điều chỉnh và mức độ đóng góp thực chất của học sinh.

6. Việc sử dụng AI phải bảo đảm trung thực, có đạo đức và trách nhiệm; tuân thủ quy định của pháp luật về AI, bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu, an toàn thông tin, an ninh mạng, quyền trẻ em, sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, quyền liên quan và các quy định pháp luật có liên quan.

7. Công cụ AI tổ chức cho học sinh sử dụng phải được cơ sở giáo dục rà soát về mục đích giáo dục, độ tuổi, điều kiện sử dụng, chính sách dữ liệu, quyền riêng tư, an toàn thông tin và các nguy cơ có liên quan; không yêu cầu học sinh sử dụng tài khoản cá nhân hoặc công cụ AI chưa được rà soát.

8. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận và sử dụng AI; có phương án phù hợp đối với học sinh không có thiết bị, tài khoản, kết nối Internet hoặc điều kiện tiếp cận

công cụ AI; không để điều kiện tiếp cận công nghệ gây bất lợi cho học sinh.

Chương II

SỬ DỤNG AI TRONG DẠY HỌC

Điều 5. Sử dụng AI trong hoạt động dạy học

1. Giáo viên được sử dụng AI như công cụ hỗ trợ trong hoạt động chuyên môn, bao gồm:

a) Tìm kiếm, tổng hợp, hệ thống hóa thông tin phục vụ nghiên cứu và chuẩn bị dạy học.

b) Gợi ý ý tưởng, tình huống, câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ học tập, hoạt động thực hành, trải nghiệm, dự án.

c) Hỗ trợ xây dựng, điều chỉnh kế hoạch bài dạy, học liệu, tài liệu trực quan, mô phỏng và sản phẩm số.

d) Hỗ trợ chuẩn bị các nội dung, công cụ phục vụ dạy học và các hoạt động chuyên môn khác theo quy định.

2. Giáo viên phải trực tiếp kiểm tra, rà soát, điều chỉnh nội dung do AI hỗ trợ tạo ra trước khi sử dụng; bảo đảm tính chính xác, khoa học, khách quan, sư phạm, phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông, yêu cầu cần đạt và đối tượng học sinh.

3. Giáo viên chịu trách nhiệm về nội dung, học liệu, nhiệm vụ và quyết định chuyên môn có sử dụng sự hỗ trợ của AI; không sử dụng kết quả do AI tạo ra để thay thế trách nhiệm chuyên môn thuộc trách nhiệm của giáo viên.

4. Không cung cấp, tải lên công cụ AI để kiểm tra, đáp án, dữ liệu cá nhân, tài liệu nội bộ hoặc thông tin thuộc phạm vi không được phép chia sẻ khi chưa bảo đảm các điều kiện theo quy định.

Điều 6. Sử dụng AI trong xây dựng và khai thác học liệu

1. AI được sử dụng để hỗ trợ xây dựng, điều chỉnh, chuyển đổi và khai thác học liệu phục vụ dạy học phù hợp với mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt.

2. Học liệu có sử dụng AI phải được giáo viên kiểm tra, rà soát trước khi sử dụng; chú trọng tính chính xác, khoa học, sư phạm, phù hợp độ tuổi, văn hóa, bản quyền và khả năng tiếp cận của học sinh.

3. Nội dung do AI tạo ra có dấu hiệu sai lệch, thiên lệch, không phù hợp hoặc có nguy cơ gây hiểu nhầm phải được kiểm chứng, điều chỉnh hoặc loại bỏ.

4. Việc sử dụng, chia sẻ, công bố học liệu có AI hỗ trợ phải tuân thủ quy định về sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, quyền liên quan, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương III

SỬ DỤNG AI TRONG HỌC TẬP

Điều 7. Sử dụng AI của học sinh trong học tập

1. Học sinh được sử dụng AI như công cụ hỗ trợ học tập theo hướng dẫn, giám sát của giáo viên, phù hợp với độ tuổi, mục tiêu, nội dung và yêu cầu của nhiệm vụ.
2. Học sinh có thể sử dụng AI để:
 - a) Hỗ trợ tìm hiểu, giải thích, hệ thống hóa và củng cố kiến thức.
 - b) Gợi ý câu hỏi, ý tưởng, phương án tiếp cận và giải quyết vấn đề.
 - c) Hỗ trợ luyện tập, tự học, nhận phản hồi và điều chỉnh quá trình học tập.
 - d) Hỗ trợ tìm kiếm, tổng hợp, phân tích, so sánh thông tin và kiểm chứng kết quả.
 - đ) Hỗ trợ lập trình, phân tích dữ liệu, thiết kế, sáng tạo và cải tiến sản phẩm.
 - e) Thực hiện nhiệm vụ, dự án, hoạt động STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và nội dung giáo dục AI theo yêu cầu của giáo viên.
3. Học sinh không sử dụng AI để thực hiện thay phần việc mà mục tiêu của nhiệm vụ yêu cầu học sinh phải trực tiếp tư duy, thực hành hoặc tự mình hoàn thành.
4. Đối với mỗi nhiệm vụ, giáo viên căn cứ mục tiêu, yêu cầu cần đạt và tính chất của hoạt động để xác định việc học sinh được sử dụng, sử dụng có giới hạn hoặc không sử dụng AI.

Điều 8. Trách nhiệm của học sinh khi sử dụng AI

1. Sử dụng AI đúng mục đích, phạm vi và yêu cầu của giáo viên.
2. Chủ động tư duy, tìm hiểu, thực hành và thực hiện nhiệm vụ; không phụ thuộc hoặc sao chép nguyên trạng kết quả do AI cung cấp để thay thế sản phẩm của bản thân.
3. Kiểm tra, đối chiếu, kiểm chứng tính chính xác, độ tin cậy và sự phù hợp của thông tin, kết quả do AI cung cấp trước khi sử dụng.
4. Có khả năng giải thích nội dung, phương pháp, lựa chọn và phần việc do bản thân trực tiếp thực hiện đối với sản phẩm có sử dụng AI.
5. Khai báo trung thực việc sử dụng AI theo yêu cầu của giáo viên.
6. Chịu trách nhiệm đối với nội dung, thông tin và sản phẩm do mình nộp, trình bày, công bố hoặc chia sẻ.
7. Không sử dụng AI để gian lận trong học tập, kiểm tra, đánh giá; giả mạo sản phẩm, dữ liệu, minh chứng hoặc kết quả học tập.
8. Tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, an toàn thông

tin, sở hữu trí tuệ, quyền tác giả và các quy định có liên quan.

Điều 9. Khai báo việc sử dụng AI

1. Khi học sinh sử dụng AI để hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ, sản phẩm học tập được giáo viên yêu cầu nộp, trình bày hoặc sử dụng làm minh chứng đánh giá, giáo viên căn cứ mục tiêu và tính chất của nhiệm vụ để xác định yêu cầu khai báo.

2. Nội dung khai báo có thể gồm:

- a) Công cụ AI đã sử dụng.
- b) Mục đích sử dụng.
- c) Nội dung hoặc công đoạn AI hỗ trợ.
- d) Phần việc học sinh trực tiếp thực hiện.
- đ) Cách học sinh kiểm tra, kiểm chứng, chỉnh sửa hoặc cải tiến kết quả.
- e) Thông tin, minh chứng khác khi thực sự cần thiết.

3. Việc khai báo nhằm bảo đảm trung thực, làm rõ quá trình và mức độ đóng góp của học sinh; không mặc nhiên là căn cứ để tăng hoặc giảm kết quả đánh giá.

4. Không yêu cầu học sinh lập hồ sơ riêng hoặc nộp toàn bộ lịch sử tương tác với AI nếu không cần thiết.

Chương IV SỬ DỤNG AI TRONG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Điều 10. Sử dụng AI hỗ trợ giáo viên trong kiểm tra, đánh giá

1. Giáo viên được sử dụng AI như công cụ hỗ trợ trong kiểm tra, đánh giá học sinh phù hợp với mục đích, yêu cầu cần đạt và quy định về kiểm tra, đánh giá của Bộ GDĐT.

2. AI có thể được sử dụng để hỗ trợ:

- a) Gợi ý xây dựng câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ, tình huống kiểm tra, đánh giá.
- b) Gợi ý xây dựng đáp án, hướng dẫn chấm, tiêu chí đánh giá, bảng kiểm, rubric và các công cụ đánh giá.
- c) Hỗ trợ tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá, nhận diện lỗi thường gặp, mức độ tiến bộ và nhu cầu hỗ trợ của học sinh.
- d) Hỗ trợ xây dựng nội dung nhận xét, phản hồi và đề xuất biện pháp hỗ trợ học sinh.
- đ) Các hoạt động hỗ trợ khác phù hợp với quy định về kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung, kết quả do AI hỗ trợ tạo ra phải được giáo viên trực tiếp kiểm tra, rà soát, điều chỉnh trước khi sử dụng; bảo đảm chính xác, khách quan, công bằng,

phù hợp với yêu cầu cần đạt, nội dung giáo dục và đối tượng học sinh. Giáo viên chịu trách nhiệm chuyên môn đối với nội dung và kết quả đánh giá học sinh.

4. Không sử dụng kết quả do AI tạo ra làm căn cứ duy nhất để nhận xét, cho điểm, đánh giá hoặc đưa ra quyết định về kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

5. Việc sử dụng AI không thay thế trách nhiệm của giáo viên trong xây dựng công cụ đánh giá, tổ chức kiểm tra, đánh giá, nhận xét, chấm bài, xác định và sử dụng kết quả đánh giá theo quy định của Bộ GDĐT.

6. Việc đưa đề kiểm tra, đáp án, kết quả học tập hoặc dữ liệu của học sinh vào công cụ AI phải tuân thủ quy định về bảo mật, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin và các quy định có liên quan.

Điều 11. Sử dụng AI của học sinh trong kiểm tra, đánh giá

1. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT đối với từng cấp học.

2. Đối với hoạt động kiểm tra, đánh giá nhằm xác định trực tiếp kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực mà học sinh phải tự mình thể hiện, học sinh phải trực tiếp thực hiện và không được sử dụng AI để trả lời, giải quyết hoặc thực hiện thay nội dung được đánh giá.

3. Học sinh chỉ được sử dụng AI trong hoạt động kiểm tra, đánh giá khi việc sử dụng AI thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Nhiệm vụ nhằm đánh giá năng lực sử dụng, tương tác, kiểm chứng, đánh giá hoặc ứng dụng AI của học sinh.

b) Nhiệm vụ thực hành, sản phẩm học tập, dự án, nghiên cứu, hoạt động STEM/STEAM hoặc nhiệm vụ mở mà AI được giáo viên xác định là công cụ được phép sử dụng.

c) Trường hợp khác mà mục tiêu, yêu cầu của nhiệm vụ cần sử dụng AI và không làm mất khả năng xác định kết quả học tập, mức độ đóng góp thực chất của học sinh.

4. Trước khi thực hiện nhiệm vụ thuộc khoản 3 Điều này, giáo viên phải thông báo rõ mục đích, phạm vi được sử dụng AI, phần việc học sinh phải trực tiếp thực hiện và yêu cầu khai báo nếu có.

5. Việc cho phép sử dụng AI không làm thay đổi yêu cầu cần đạt, nguyên tắc và quy định về kiểm tra, đánh giá của Bộ GDĐT.

Điều 12. Đánh giá nhiệm vụ, sản phẩm có sử dụng AI

1. Việc đánh giá nhiệm vụ, sản phẩm có sử dụng AI thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT và căn cứ yêu cầu cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục.

2. Đối với nhiệm vụ được phép sử dụng AI, giáo viên phải bảo đảm có căn cứ

xác định kết quả học tập và mức độ đóng góp thực chất của học sinh.

3. Tùy theo mục tiêu của nhiệm vụ, giáo viên có thể xem xét:

- a) Quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ.
- b) Khả năng giải thích cách thức và lý do sử dụng AI.
- c) Khả năng kiểm tra, đối chiếu, kiểm chứng kết quả do AI cung cấp.
- d) Khả năng nhận diện sai sót, hạn chế, thiên lệch hoặc nội dung không phù hợp.
- đ) Việc chỉnh sửa, cải tiến và phát triển kết quả.
- e) Phần việc và mức độ đóng góp thực chất của học sinh.
- g) Việc khai báo, trung thực và chịu trách nhiệm trong sử dụng AI.

4. Không sử dụng chất lượng sản phẩm do AI hỗ trợ tạo ra làm căn cứ duy nhất để đánh giá kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực của học sinh.

5. Khi cần thiết, giáo viên có thể yêu cầu học sinh trình bày, giải thích, thực hành, bảo vệ sản phẩm hoặc cung cấp minh chứng phù hợp về quá trình thực hiện.

6. Việc sử dụng AI đúng yêu cầu của nhiệm vụ không mặc nhiên là căn cứ để tăng hoặc giảm kết quả đánh giá.

Điều 13. Xác minh trường hợp học sinh sử dụng AI không đúng phạm vi, yêu cầu

1. Các trường hợp cần xem xét, xác minh gồm:

- a) Sử dụng AI trong hoạt động kiểm tra, đánh giá mà nhiệm vụ không cho phép.
- b) Sử dụng AI vượt quá phạm vi được phép.
- c) Sử dụng AI để thực hiện thay nội dung học sinh phải trực tiếp thực hiện.
- d) Không khai báo hoặc khai báo không trung thực khi có yêu cầu.
- đ) Sử dụng AI để giả mạo sản phẩm, dữ liệu, minh chứng hoặc làm sai lệch kết quả đánh giá.

2. Khi có dấu hiệu thuộc khoản 1 Điều này, giáo viên hoặc người có trách nhiệm phải xác minh khách quan bằng hình thức phù hợp như trao đổi, vấn đáp, yêu cầu học sinh giải thích, trình bày, thực hành hoặc bảo vệ sản phẩm; đối chiếu sản phẩm trung gian, minh chứng quá trình khi có.

3. Không kết luận học sinh sử dụng AI không đúng quy định chỉ dựa trên kết quả của công cụ phát hiện nội dung do AI tạo ra hoặc một dấu hiệu kỹ thuật đơn lẻ.

4. Việc xem xét, xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá và hành vi của học sinh sau khi xác minh thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT và các quy định có liên quan; cơ sở giáo dục không tự đặt thêm cách tính điểm, hình thức trừ điểm, hủy

kết quả hoặc hình thức xử lý trái quy định.

Chương V **AN TOÀN, BẢO VỆ DỮ LIỆU VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

Điều 14. Bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin

1. Việc thu thập, cung cấp, xử lý và sử dụng dữ liệu cá nhân trong quá trình sử dụng AI phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu, an toàn thông tin, an ninh mạng và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Không cung cấp, tải lên công cụ AI dữ liệu cá nhân của học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; thông tin nội bộ; đề kiểm tra, đáp án hoặc dữ liệu thuộc phạm vi không được phép chia sẻ khi chưa bảo đảm các điều kiện theo quy định.

3. Việc xử lý dữ liệu cá nhân của học sinh phải bảo đảm đúng mục đích, phạm vi cần thiết và các điều kiện bảo vệ dữ liệu theo quy định.

4. Khi phát hiện nguy cơ hoặc sự cố liên quan đến dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin trong quá trình sử dụng AI, người sử dụng phải kịp thời thông báo cho cơ sở giáo dục để xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 15. Sở hữu trí tuệ, bản quyền và trách nhiệm đối với nội dung

1. Việc sử dụng AI phải tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, quyền tác giả và quyền liên quan.

2. Người sử dụng có trách nhiệm kiểm tra nguồn, tính hợp pháp và điều kiện sử dụng của nội dung do AI cung cấp hoặc hỗ trợ tạo ra trước khi sử dụng, công bố hoặc chia sẻ khi cần thiết.

3. Không sử dụng AI để sao chép, khai thác, sửa đổi, công bố hoặc sử dụng trái phép tác phẩm, tài liệu, dữ liệu và sản phẩm thuộc quyền của tổ chức, cá nhân khác.

4. Việc trích dẫn, ghi nguồn, khai báo AI thực hiện phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ và quy định hiện hành.

Chương VI **LỰA CHỌN, RÀ SOÁT VÀ SỬ DỤNG CÔNG CỤ AI**

Điều 16. Lựa chọn và rà soát công cụ AI

1. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức lựa chọn, rà soát công cụ AI trước khi tổ chức hoặc yêu cầu học sinh sử dụng.

2. Việc lựa chọn, rà soát phải căn cứ ít nhất vào các nội dung sau:

- a) Mục đích giáo dục và sự phù hợp với nội dung, đối tượng sử dụng.
- b) Độ tuổi và điều kiện sử dụng.
- c) Yêu cầu về tài khoản.

- d) Chính sách thu thập, xử lý, lưu trữ, sử dụng và chia sẻ dữ liệu.
- đ) Yêu cầu về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và an toàn thông tin.
- e) Khả năng xuất hiện nội dung sai lệch, thiên lệch hoặc không phù hợp.
- g) Sở hữu trí tuệ và bản quyền.
- h) Yêu cầu về thiết bị, kết nối, chi phí và khả năng tiếp cận của học sinh.

3. Không yêu cầu học sinh sử dụng tài khoản cá nhân hoặc công cụ AI chưa được rà soát; không bắt buộc sử dụng công cụ không phù hợp với độ tuổi hoặc không bảo đảm yêu cầu về an toàn, dữ liệu.

4. Công cụ AI phải được xem xét lại khi có thay đổi đáng kể về chức năng, điều khoản sử dụng, chính sách dữ liệu hoặc khi phát sinh nguy cơ, sự cố trong quá trình sử dụng.

Điều 17. Bảo đảm công bằng trong sử dụng AI

1. Việc tổ chức sử dụng AI phải phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục và học sinh.

2. Cơ sở giáo dục, giáo viên không được lấy việc học sinh có tài khoản trả phí, thiết bị cá nhân hoặc khả năng tiếp cận một công cụ AI cụ thể làm điều kiện để thực hiện nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá khi không có phương án thay thế phù hợp.

3. Trường hợp tổ chức hoạt động có sử dụng AI, cơ sở giáo dục phải có giải pháp phù hợp đối với học sinh không có thiết bị, tài khoản hoặc kết nối Internet; bảo đảm quyền tham gia và cơ hội học tập của học sinh.

Chương VII TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

- 1. Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc triển khai Quy định này.
- 2. Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên về sử dụng AI an toàn, có đạo đức, trách nhiệm trong dạy học, học tập, kiểm tra, đánh giá.
- 3. Hướng dẫn, hỗ trợ cơ sở giáo dục giải quyết khó khăn, vướng mắc và các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.
- 4. Rà soát, cập nhật nội dung thực hiện khi quy định của pháp luật hoặc hướng dẫn của Bộ GDĐT có thay đổi.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường

- 1. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý triển khai thực hiện Quy định này.

2. Phối hợp với Sở GDĐT theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong quá trình thực hiện.

3. Kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Điều 20. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Quy định này; phổ biến đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và thông tin đến cha mẹ học sinh theo hình thức phù hợp.

2. Căn cứ Quy định này, quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT và điều kiện thực tế, Hiệu trưởng ban hành Quy định hoặc Quy tắc sử dụng AI tại cơ sở giáo dục, bảo đảm tối thiểu các nội dung:

a) Phạm vi, mục đích và nguyên tắc sử dụng AI.

b) Trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

c) Việc sử dụng AI trong dạy học, học tập, kiểm tra, đánh giá.

d) Yêu cầu về trung thực và khai báo sử dụng AI.

đ) Việc lựa chọn, rà soát công cụ AI.

e) Bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, sở hữu trí tuệ và bản quyền.

g) Tiếp nhận, xác minh, xử lý hoặc báo cáo sự cố, trường hợp sử dụng AI không đúng quy định.

h) Việc thông tin, phối hợp với cha mẹ học sinh.

3. Quy định hoặc Quy tắc sử dụng AI của cơ sở giáo dục phải phù hợp với quy định của Bộ GDĐT và Quy định này; không tự đặt thêm hình thức kiểm tra, đánh giá, cách tính điểm, xếp loại hoặc hình thức xử lý kết quả học tập trái với quy định hiện hành.

4. Tổ chức lựa chọn, rà soát công cụ AI trước khi tổ chức cho học sinh sử dụng; phân công trách nhiệm cho các tổ/nhóm chuyên môn và cá nhân có liên quan.

5. Chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn triển khai, trao đổi, thống nhất các nội dung chuyên môn cần thiết về sử dụng AI phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục; tổ chức để giáo viên thực hiện theo Quy định này và Quy định hoặc Quy tắc sử dụng AI của cơ sở giáo dục; không làm phát sinh kế hoạch, hồ sơ, sổ sách riêng về sử dụng AI ngoài quy định.

6. Có phương án hỗ trợ học sinh không có điều kiện tiếp cận AI; bảo đảm công bằng trong học tập, kiểm tra, đánh giá.

7. Tổ chức tiếp nhận, xử lý hoặc báo cáo các sự cố, phản ánh và trường hợp sử dụng AI không đúng quy định theo thẩm quyền.

8. Định kỳ hoặc khi cần thiết rà soát, cập nhật Quy định hoặc Quy tắc sử dụng AI của đơn vị phù hợp với quy định, hướng dẫn mới và thực tiễn triển khai.

Điều 21. Trách nhiệm của tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên

1. Tổ/nhóm chuyên môn

a) Triển khai các nội dung về sử dụng AI theo chỉ đạo của cơ sở giáo dục; tổ chức trao đổi, chia sẻ trong sinh hoạt chuyên môn về việc sử dụng AI phù hợp với môn học, hoạt động giáo dục.

b) Trao đổi, thống nhất về chuyên môn đối với những nội dung cần thiết trong sử dụng AI phục vụ dạy học, học tập, kiểm tra, đánh giá, bảo đảm phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông, yêu cầu cần đạt và quy định của Bộ GDĐT.

c) Chia sẻ kinh nghiệm, học liệu, cách thức sử dụng AI an toàn, hiệu quả; hỗ trợ giáo viên nâng cao năng lực sử dụng, kiểm tra, kiểm chứng kết quả do AI cung cấp.

d) Kịp thời phản ánh với Hiệu trưởng những khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Việc triển khai nội dung sử dụng AI được thực hiện trong hoạt động và sinh hoạt chuyên môn của tổ/nhóm chuyên môn; không yêu cầu xây dựng kế hoạch, hồ sơ hoặc sổ sách riêng về sử dụng AI.

2. Giáo viên

a) Thực hiện Quy định này, Quy định hoặc Quy tắc sử dụng AI của cơ sở giáo dục và các quy định chuyên môn có liên quan.

b) Sử dụng AI đúng mục đích, phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông, yêu cầu cần đạt, nội dung giáo dục và đối tượng học sinh; trực tiếp kiểm tra, kiểm chứng, rà soát, điều chỉnh nội dung do AI hỗ trợ trước khi sử dụng và chịu trách nhiệm chuyên môn đối với nội dung sử dụng.

c) Hướng dẫn, giám sát học sinh sử dụng AI phù hợp với độ tuổi, mục tiêu giáo dục và yêu cầu của nhiệm vụ; xác định rõ việc được phép, không được phép hoặc phạm vi được sử dụng AI trong từng nhiệm vụ khi cần thiết.

d) Hướng dẫn học sinh kiểm tra, kiểm chứng thông tin; thực hiện yêu cầu về trung thực, khai báo sử dụng AI, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, sở hữu trí tuệ và bản quyền.

đ) Trong kiểm tra, đánh giá, sử dụng AI theo quy định tại Chương IV của Quy định này; bảo đảm AI chỉ là công cụ hỗ trợ, không thay thế trách nhiệm chuyên môn của giáo viên trong tổ chức kiểm tra, đánh giá, nhận xét, chấm và xác định kết quả đánh giá học sinh.

e) Khi nhiệm vụ cho phép học sinh sử dụng AI, xác định phạm vi sử dụng, phần việc học sinh phải trực tiếp thực hiện; xem xét quá trình và mức độ đóng góp thực

chất của học sinh theo quy định.

g) Kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ sở giáo dục đối với trường hợp sử dụng AI không đúng quy định, nguy cơ, sự cố hoặc vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 22. Trách nhiệm của học sinh

1. Chấp hành Quy định này, Quy định hoặc Quy tắc sử dụng AI của cơ sở giáo dục và hướng dẫn của giáo viên.

2. Sử dụng AI đúng mục đích, phạm vi; chủ động học tập, tư duy, kiểm chứng thông tin và chịu trách nhiệm đối với sản phẩm của bản thân.

3. Thực hiện khai báo trung thực việc sử dụng AI khi được yêu cầu.

4. Không sử dụng AI để gian lận trong học tập, kiểm tra, đánh giá; xâm phạm dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, quyền sở hữu trí tuệ hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

5. Kịp thời thông báo cho giáo viên hoặc người có trách nhiệm khi phát hiện nội dung không phù hợp, nguy cơ hoặc sự cố trong quá trình sử dụng AI.

Điều 23. Phối hợp với cha mẹ học sinh

1. Cơ sở giáo dục thông tin đến cha mẹ học sinh về mục tiêu, nguyên tắc, phạm vi sử dụng AI; các yêu cầu về an toàn, dữ liệu, trung thực và trách nhiệm của học sinh.

2. Đối với công cụ AI được cơ sở giáo dục tổ chức sử dụng, cung cấp thông tin cần thiết về mục đích, điều kiện sử dụng và những nội dung cha mẹ học sinh cần phối hợp.

3. Phối hợp với cha mẹ học sinh hướng dẫn, giám sát việc sử dụng AI phù hợp với độ tuổi; tiếp nhận phản ánh và kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh.

Điều 24. Kiểm tra, báo cáo và xử lý vướng mắc

1. Việc theo dõi, kiểm tra thực hiện Quy định này được lồng ghép trong hoạt động quản lý, kiểm tra chuyên môn, chuyên đổi số và các hoạt động có liên quan; không yêu cầu cơ sở giáo dục, tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên lập thêm hồ sơ, sổ sách hoặc báo cáo định kỳ riêng về sử dụng AI ngoài quy định.

2. Cơ sở giáo dục chủ động theo dõi, đánh giá việc sử dụng AI; kịp thời xử lý hoặc báo cáo các khó khăn, sự cố, vấn đề phát sinh theo phân cấp quản lý.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở GDĐT để được hướng dẫn, xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hoặc hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

PHỤ LỤC I

ĐỊNH HƯỚNG XÁC ĐỊNH VIỆC HỌC SINH SỬ DỤNG AI TRONG HỌC TẬP, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Nguyên tắc chung

a) Việc cho phép học sinh sử dụng AI phải căn cứ mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung, tính chất của nhiệm vụ và quy định hiện hành của Bộ GDĐT về kiểm tra, đánh giá học sinh.

b) Đối với nhiệm vụ nhằm xác định trực tiếp kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực mà học sinh phải tự mình thể hiện, học sinh phải trực tiếp thực hiện và không sử dụng AI để trả lời, giải quyết hoặc thực hiện thay nội dung được đánh giá.

c) Học sinh được sử dụng AI khi AI là công cụ phục vụ mục tiêu của nhiệm vụ hoặc khi năng lực sử dụng, kiểm chứng, đánh giá, ứng dụng AI là một phần của nội dung cần hình thành hoặc đánh giá.

d) Trường hợp cho phép sử dụng AI, giáo viên phải xác định rõ phạm vi sử dụng, phần việc học sinh phải trực tiếp thực hiện và yêu cầu khai báo, minh chứng quá trình nếu cần thiết.

đ) Việc cho phép sử dụng AI không làm thay đổi yêu cầu cần đạt, nguyên tắc, phương pháp, hình thức và quy định về kiểm tra, đánh giá học sinh của Bộ GDĐT.

2. Định hướng áp dụng

TT	Loại hoạt động, nhiệm vụ	Việc sử dụng AI	Yêu cầu thực hiện
1	Tự học, luyện tập, củng cố kiến thức, khám phá nội dung mới	Có thể sử dụng	Theo hướng dẫn của giáo viên; học sinh phải kiểm chứng, không phụ thuộc vào kết quả AI
2	Nhiệm vụ học tập thông thường, bài tập về nhà	Có thể sử dụng nếu giáo viên cho phép	Giáo viên xác định phạm vi; học sinh phải tự thực hiện phần cốt lõi của nhiệm vụ
3	Hỏi - đáp, vấn đáp trực tiếp	Không sử dụng	Học sinh trực tiếp trả lời và thể hiện hiểu biết, năng lực
4	Bài kiểm tra viết trên giấy nhằm đánh giá kiến thức, kỹ năng cá nhân	Không sử dụng	Học sinh tự thực hiện
5	Bài kiểm tra trên máy tính	Không sử dụng	Không sử dụng AI để trả

TT	Loại hoạt động, nhiệm vụ	Việc sử dụng AI	Yêu cầu thực hiện
	nhằm xác định trực tiếp kiến thức, kỹ năng cá nhân		lời hoặc giải quyết nội dung được đánh giá
6	Bài thực hành nhằm đánh giá kỹ năng học sinh phải trực tiếp thực hiện	Không sử dụng, trừ trường hợp AI là công cụ thuộc nội dung đánh giá	Giáo viên xác định rõ yêu cầu kỹ năng và phạm vi được phép sử dụng công cụ
7	Sản phẩm học tập, dự án, nghiên cứu khoa học, hoạt động STEM/STEAM	Có thể sử dụng	Phải xác định được phần việc và mức độ đóng góp thực chất của học sinh
8	Nhiệm vụ yêu cầu học sinh phân tích, phản biện, kiểm chứng, chỉnh sửa hoặc cải tiến kết quả do AI tạo ra	Được sử dụng	AI là đối tượng/công cụ của nhiệm vụ; học sinh phải giải thích, kiểm chứng và chịu trách nhiệm
9	Nội dung giáo dục AI hoặc nhiệm vụ nhằm đánh giá năng lực sử dụng, tương tác, ứng dụng AI	Được sử dụng	Thực hiện theo yêu cầu nhiệm vụ, hướng dẫn của giáo viên và Khung nội dung giáo dục AI
10	Nhiệm vụ mở, sản phẩm sáng tạo có sử dụng công cụ số, AI	Có thể sử dụng	Giáo viên quy định trước phạm vi; bảo đảm xác định được kết quả học tập và đóng góp thực chất của học sinh

3. Yêu cầu đối với giáo viên

Khi giao nhiệm vụ, giáo viên cần thông báo rõ một trong các nội dung sau: Không được sử dụng AI; được sử dụng AI ở một số công đoạn cụ thể; được sử dụng AI như công cụ phục vụ yêu cầu của nhiệm vụ.

Không yêu cầu giáo viên lập biểu mẫu, kế hoạch hoặc hồ sơ riêng để xác định phạm vi sử dụng AI; nội dung cần thiết được thể hiện trực tiếp trong yêu cầu của nhiệm vụ, phiếu học tập, đề bài, hướng dẫn thực hiện hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

PHỤ LỤC II

NỘI DUNG KHAI BÁO VIỆC SỬ DỤNG AI CỦA HỌC SINH

1. Trường hợp thực hiện khai báo

Học sinh thực hiện khai báo khi:

- a) Giáo viên yêu cầu đối với nhiệm vụ, sản phẩm học tập có sử dụng AI.
- b) AI tham gia hỗ trợ trực tiếp vào quá trình tạo sản phẩm, nội dung, dữ liệu hoặc kết quả được nộp, trình bày hoặc sử dụng làm minh chứng đánh giá.
- c) Việc khai báo cần thiết để xác định quá trình thực hiện và mức độ đóng góp thực chất của học sinh.

Không yêu cầu khai báo đối với mọi hoạt động tự học, luyện tập hoặc tương tác thông thường với AI nếu nội dung đó không được sử dụng làm sản phẩm, minh chứng hoặc kết quả đánh giá.

2. Nội dung khai báo

Tùy theo mục tiêu và tính chất của nhiệm vụ, học sinh khai báo một hoặc một số nội dung sau:

- a) Tên công cụ AI đã sử dụng.
- b) Mục đích sử dụng.
- c) Nội dung, công đoạn hoặc phần việc được AI hỗ trợ.
- d) Phần việc học sinh trực tiếp thực hiện.
- đ) Cách học sinh kiểm tra, đối chiếu, kiểm chứng kết quả do AI cung cấp.
- e) Nội dung học sinh đã chỉnh sửa, bổ sung hoặc cải tiến so với kết quả ban đầu do AI hỗ trợ.
- g) Nguồn dữ liệu, câu lệnh hoặc yêu cầu đã cung cấp cho AI khi giáo viên thấy cần thiết để xác minh quá trình thực hiện.
- h) Các thông tin, minh chứng khác thực sự cần thiết đối với nhiệm vụ.

3. Hình thức khai báo

Việc khai báo có thể thực hiện bằng một trong các hình thức sau:

- a) Ghi trực tiếp trong sản phẩm học tập.
- b) Ghi trực tiếp trong phiếu học tập hoặc nội dung thực hiện nhiệm vụ.
- c) Trình bày trực tiếp với giáo viên.
- d) Thể hiện trong phần thuyết minh, báo cáo hoặc bảo vệ sản phẩm.
- đ) Hình thức phù hợp khác do giáo viên xác định.

4. Nguyên tắc sử dụng thông tin khai báo

- a) Việc khai báo nhằm bảo đảm trung thực, minh bạch, làm rõ quá trình thực hiện và mức độ đóng góp của học sinh.
- b) Việc học sinh khai báo có sử dụng AI không mặc nhiên là căn cứ để tăng hoặc giảm kết quả đánh giá.
- c) Không yêu cầu học sinh in, lưu hoặc nộp toàn bộ lịch sử tương tác với AI nếu không thực sự cần thiết.
- d) Không biến việc khai báo AI thành một loại hồ sơ chuyên môn hoặc hồ sơ học sinh bắt buộc ngoài quy định hiện hành.

Mẫu khai báo tham khảo:

KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Công cụ AI đã sử dụng:

Mục đích sử dụng:

Nội dung/công đoạn AI hỗ trợ:

Phần việc em trực tiếp thực hiện:

Cách em kiểm tra, chỉnh sửa hoặc cải tiến kết quả AI:

PHỤ LỤC III

NỘI DUNG RÀ SOÁT CÔNG CỤ AI TRƯỚC KHI TỔ CHỨC CHO HỌC SINH SỬ DỤNG

1. Nguyên tắc rà soát

a) Cơ sở giáo dục tổ chức rà soát công cụ AI trước khi yêu cầu hoặc tổ chức cho học sinh sử dụng trong hoạt động giáo dục.

b) Việc rà soát nhằm xác định mức độ phù hợp với mục tiêu giáo dục, độ tuổi học sinh, yêu cầu về dữ liệu, quyền riêng tư, an toàn, chi phí và khả năng tiếp cận.

c) Kết quả rà soát không thay thế việc thẩm định, cấp phép, chứng nhận hoặc các thủ tục khác của cơ quan có thẩm quyền nếu pháp luật có quy định.

d) Công cụ cần được rà soát lại khi có thay đổi đáng kể về chức năng, điều khoản sử dụng, chính sách dữ liệu hoặc phát sinh nguy cơ, sự cố.

2. Nội dung rà soát

TT	Nội dung	Yêu cầu xem xét
1	Mục đích giáo dục	Công cụ có phù hợp mục tiêu, nội dung giáo dục và yêu cầu sử dụng hay không
2	Đối tượng, độ tuổi	Điều khoản sử dụng có cho phép độ tuổi học sinh tương ứng hay không
3	Yêu cầu tài khoản	Có bắt buộc tài khoản cá nhân; có yêu cầu cung cấp thông tin không cần thiết hay không
4	Dữ liệu thu thập	Xác định loại dữ liệu cá nhân, dữ liệu sử dụng, dữ liệu tương tác được thu thập
5	Mục đích xử lý dữ liệu	Dữ liệu được sử dụng cho mục đích gì; có dùng để huấn luyện hệ thống hoặc chia sẻ cho bên thứ ba hay không
6	Lưu trữ và chia sẻ dữ liệu	Thời gian, địa điểm lưu trữ; khả năng xóa, tải xuống hoặc kiểm soát dữ liệu
7	Quyền riêng tư	Chính sách quyền riêng tư có rõ ràng, phù hợp với đối tượng học sinh hay không
8	An toàn thông tin	Có biện pháp bảo vệ tài khoản, dữ liệu và xử lý sự cố phù hợp hay không
9	Nội dung không phù hợp	Có nguy cơ tạo nội dung sai lệch, thiên lệch, bạo lực, không phù hợp lứa tuổi hoặc gây hiểu nhầm hay không
10	Kiểm soát của	Giáo viên/cơ sở giáo dục có khả năng hướng dẫn, kiểm

TT	Nội dung	Yêu cầu xem xét
	giáo viên	soát, giám sát việc sử dụng hay không
11	Sở hữu trí tuệ, bản quyền	Điều khoản về quyền đối với dữ liệu đầu vào, nội dung tạo ra và việc khai thác sản phẩm
12	Khả năng tiếp cận	Yêu cầu thiết bị, hệ điều hành, kết nối Internet, ngôn ngữ và khả năng tiếp cận của học sinh
13	Chi phí	Có phát sinh phí, gói trả tiền hoặc tính năng trả phí ảnh hưởng đến công bằng trong tiếp cận hay không
14	Phương án thay thế	Có phương án khác cho học sinh không có thiết bị, tài khoản, kết nối hoặc không thể sử dụng công cụ hay không
15	Rủi ro khác	Các nguy cơ cụ thể khác liên quan đến học sinh, dữ liệu, chuyên môn hoặc hoạt động giáo dục

3. Kết quả rà soát

Sau khi rà soát, cơ sở giáo dục xác định một trong các hướng xử lý sau:

- Có thể sử dụng: đáp ứng các yêu cầu cơ bản và phù hợp mục tiêu giáo dục.
- Sử dụng có điều kiện: chỉ sử dụng khi thực hiện đầy đủ biện pháp kiểm soát, giới hạn dữ liệu, phạm vi hoặc đối tượng sử dụng.
- Không sử dụng: không phù hợp với độ tuổi, mục tiêu giáo dục hoặc không bảo đảm yêu cầu về dữ liệu, an toàn, quyền riêng tư, chi phí, công bằng hoặc các yêu cầu pháp luật có liên quan.

4. Một số yêu cầu bắt buộc

- Không yêu cầu học sinh sử dụng tài khoản cá nhân hoặc công cụ AI chưa được cơ sở giáo dục rà soát.
- Không yêu cầu học sinh cung cấp dữ liệu cá nhân không cần thiết cho mục đích giáo dục.
- Không tổ chức bắt buộc học sinh sử dụng công cụ không phù hợp độ tuổi hoặc không bảo đảm yêu cầu về an toàn, dữ liệu và quyền riêng tư.
- Không lựa chọn công cụ chỉ dựa trên tính năng hoặc mức độ phổ biến mà bỏ qua điều khoản sử dụng, chính sách dữ liệu và các rủi ro liên quan.
- Bảo đảm có phương án thay thế phù hợp đối với học sinh không có điều kiện tiếp cận. 